**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**Khoa/Viện: Khoa Kế toán - Tài chính**

**Bộ môn: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần:

* Tiếng Việt: **Ngân hàng số**
* Tiếng Anh:

Mã học phần: FIB380 Số tín chỉ: 2 (30LT)

Đào tạo trình độ: Đại học

Chương trình đào tạo: Tài chính - Ngân hàng

Học phần tiên quyết:

**2. Mô tả tóm tắt học phần:**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về (1) nguyên ngân dẫn đến cuộc cách mạng số và sự cần thiết của việc số hóa các hoạt động ngân hàng; (2) các công nghệ số mà ngân hàng đang áp dụng hoặc sẽ áp dụng trong tương lai; (3) thực tế áp dụng công nghệ số tại các ngân hàng Việt Nam bên cạnh các sản phẩm dịch vụ ngân hàng thương mại truyền thống. Môn học hỗ trợ cho người học biết quy trình số hóa cho sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng để đáp ứng nhu cầu và gia tăng giá trị lâu dài cho khách hàng.

**3. Mục tiêu:**

Học phần ngân hàng số sẽ trang bị cho người học kiến Sau khi học xong học phần này, người học có thể: Giải thích tầm quan trọng của công nghệ tài chính (FinTech) ; Xác định các lĩnh vực mà FinTech sẽ cách mạng hóa hoạt động kinh doanh tài chính và ngân hàng trong tương lai. Người học sau khi học xong môn học có thể đánh giá được những thay đổi cần thiết trong mô hình kinh doanh ngân hàng; xác định các mối đe dọa hiện có từ các tổ chức phi ngân hàng, và tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả trong bối cảnh áp dụng ngân hàng số.

**4. Chuẩn đầu ra học phần (CLOs):** Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

a. Giải thích được nguyên nhân dẫn đến xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng, cơ hội và thách thức đối với các thành phần tham gia cung cấp dịch vụ ngân hàng;

b. Lý giải được nguyên nhân, thực trạng và xu hướng của ngân hàng số tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới;

c. Đánh giá được các thành phần tham gia vào quy trình số hóa các hoạt động ngân hàng, thách thức và cơ hội của từng đối tượng cũng như các yếu tố cần thiết để thành công và rào cản tham gia thị trường.

**5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra HP với Chuẩn đầu ra CTĐT:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình (PLOs)** | | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
| a |  | X | X | X | X | X | X |  |  |
| b |  | X | X | X | X | X | X |  |  |
| c |  | X | X | X | X | X | X |  |  |

**6. Nội dung:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/Chủ đề** | **Nhằm đạt CLOs** | **Số tiết** | |
| **LT** | **TH** |
| 1  1.1  1.2  1.3  1.4  1.5  1.6  1.7 | Tổng quan về ngân hàng số  Nguyên nhân ra đời và các giai đoạn phát triển của ngân hàng số  Các công ty Fintech – đối thủ đáng gờm của ngân hàng  So sánh ưu, nhược điểm của ngân hàng và các công ty Fintech  Các nhân tố để thành công trong chuyển đổi ngân hàng số  Đặc trưng của các ngân hàng có mức độ số hóa cao  Tầm quan trọng của việc số hóa dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính  Cơ hội và thách thức đối với các ngân hàng số. | a | 9 |  |
| 2  2.1  2.2  2.3  2.4 | Thực trạng ứng dụng và xu hướng ngân hàng số trên thế giới  Phân loại các phương pháp tiếp cận ngân hàng số  Thực trạng ứng dụng ngân hàng số trên thế giới  Các quy định về chính sách ngân hàng số trên thế giới  Xu hướng phát triển của ngân hàng số. | b, c | 9 |  |
| 3  3.1  3.2  3.3 | Thực trạng ứng dụng ngân hàng số tại Việt Nam  Bối cảnh ngân hàng số và Fintech tại Việt Nam  Thực trạng ứng dụng ngân hàng số tại Việt Nam  Các quy định về chính sách ngân hàng số tại Việt Nam. | b, c | 9 |  |
| 4  4.1  4.1.1  4.1.2  4.1.3  4.1.4 | Tình huống thức tế - Tình hình triển khai ứng dụng ngân hàng số tại một ngân hàng cụ thể  Tình hình áp dụng ngân hàng số tại ngân hàng  Chiến lược, tầm nhìn của ngân hàng trong việc áp dụng ngân hàng số  Khó khăn, thách thức (tài chính, công nghệ, chính sách) | a, b, c | 3 |  |

**7. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá để đạt Chuẩn đầu ra HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phương pháp dạy học** | **Áp dụng cho  chủ đề** | **Nhằm đạt CLOs** |
| 1 | Thuyết giảng – nghiên cứu tình huống – thảo luận – dạy học dựa trên vấn đề | 1, 2, 3, 4 | a, b, c |

**8. Đánh giá kết quả học tập:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hình thức đánh giá** | **Nhằm đạt CLOs** | **Trọng số (%)** |
| 1 | Đánh giá quá trình | a, b, c | 50 |
| 2 | Thi cuối kỳ | a, b, c | 50 |

**9. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Năm xuất bản** | **Nhà xuất bản** | **Địa chỉ khai thác tài liệu** | **Mục đích sử dụng** | | |
| **Tài liệu chính** | **Tham khảo** |
| 1 | TS. Nguyễn Hữu Mạnh | Ghi chú Bài giảng Ngân hàng số | 0 |  | NTU-Elearning | X |  |
| 2 | CHRIS SKINNER | Digital Bank: Strategies to Launch or Become a Digital Bank | 2014 | Marshall Cavendish International (Asia) Pte Ltd, Singapore M | Thư viện/giảng viên giảng dạy | X |  |
| 3 | Luigi Wewege and Michael C. Thomsett | The Digital Banking Revolution (3rd edition) | 2017 | Walter de Gruyter Inc., Boston | Thư viện/giảng viên giảng dạy |  | X |
| 4 | JOHN HENDERSON | Retail and Digital banking – principles and practice | 2019 | Kogan Page Limited | Thư viện/giảng viên |  | X |

*Ngày cập nhật*: *18/08/2024*

**NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**Nguyễn Hữu Mạnh**

**TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG BỘ MÔN**